

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 163/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 9 - 2026

V/v: Chị Phạm Thị Ngọc A xin
ly hôn anh Đinh Trí Th

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HƯNG YÊN

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hữu Hiệp.

Ông Hà Thế Anh.

*** Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 11/9/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2026/TLST-HNGĐ ngày 07/5/2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/8/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Ngọc A**, sinh năm 1980; căn cước số 034180002XXX do Bộ Công an cấp ngày 05/5/2025; nơi thường trú: Số nhà 27 phố Trần Bình Trọng, Tổ dân phố số XX (Tổ dân phố số XX cũ), phường THĐ, tỉnh Hưng Yên; nơi làm việc: Công an phường THĐ, tỉnh Hưng Yên. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh **Đinh Trí Th**, sinh năm 1976; căn cước công dân số 025076000XXX; nơi thường trú: Số nhà 27 phố Trần Bình Trọng, Tổ dân phố số XX (Tổ dân phố số XX cũ), phường THĐ, tỉnh Hưng Yên; nơi làm việc: Công an xã H, tỉnh Hưng Yên. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/5/2026, bản tự khai và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc A trình bày:

Chị và anh Đinh Trí Th tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 01/6/2004 tại Ủy ban nhân dân xã An Linh, huyện P, tỉnh Bình Dương (cũ). Sau kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2025 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, cách sống; việc chị đầu tư kinh doanh từ nguồn tiền vay bị thua lỗ dẫn đến vợ chồng trách móc nhau; anh Th không chung thủy với chị, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác; về phía chị vẫn luôn quan tâm, có trách nhiệm với gia đình nhà chồng nhưng anh Th không ghi nhận điều đó. Từ tháng 4/2026 đến nay, do mâu thuẫn căng thẳng, tuy ở cùng nhà nhưng anh chị sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn, chị yêu cầu được ly hôn anh Th, không chấp nhận đoàn tụ.

Chị và anh Đinh Trí Th có hai con chung là Đinh Công Tuấn H, sinh ngày 11/02/2006 và Đinh Công Tuấn H1, sinh ngày 28/5/2013. Đối với con H, hiện đã thành niên, đang học tại Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội, con khỏe mạnh, tự lập được cuộc sống nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con H1, hiện đang học tại Trường THCS Lương Thế Vinh, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con H1 và yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con H1 cùng chị số tiền là 5.000.000 đồng/01 tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ khi có quyết định ly hôn của Tòa án. Chị đang công tác trong lực lượng Công an nhân dân, hệ số lương 7,0.

Chị và anh Đinh Trí Th có tạo lập được khối tài sản chung, gồm: Nhà, đất tại phường THĐ, tỉnh Hưng Yên; 01 xe ô tô Mazda CX5 mua năm 2018 cùng toàn bộ tài sản khác là đồ dùng, vật dụng sinh hoạt khác trong gia đình. Về nợ chung, chị và anh Th có 01 khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Bình, số tiền vay gốc là 1.000.000.000 đồng và lãi phát sinh, tài sản bảo đảm cho khoản vay là nhà, đất nêu trên. Đối với tài sản chung và nợ chung, chị và anh Th tự thỏa thuận phân chia, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2. Tại bản tự khai đề ngày 07/6/2026 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn anh Đinh Trí Th trình bày:

Về thời gian, thủ tục, điều kiện kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, anh Đinh Trí Th trình bày như chị Ngọc A đã khai. Sau kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2026 thì xảy ra mâu thuẫn do có những hiểu lầm trong cuộc sống. Chị Ngọc A cho rằng anh không chung thủy, có tình cảm với người phụ nữ khác là không đúng, việc anh có gặp gỡ với người phụ nữ khác là trong hoạt động thể thao và giao lưu ngoài giờ làm việc. Theo anh, chị Ngọc A cũng không quan tâm

nhiều đến gia đình anh, nhiều năm nay vào ngày giỗ bố đẻ anh, chị Ngọc A không về; mẹ đẻ anh ốm đau, chị Ngọc A cũng không quan tâm; trong công việc làm ăn, kinh doanh, chị Ngọc A tự quyết định, không bàn bạc, không trao đổi và không chia sẻ với anh. Từ tháng 4/2026 đến nay, tuy sống cùng nhà nhưng anh chị ở riêng, mỗi người ở một phòng, không ngủ chung. Nay chị Ngọc A xin ly hôn anh, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị Ngọc A, mặt khác, các con của anh chị đang ở độ tuổi trưởng thành, cần sự quan tâm, hỗ trợ của bố mẹ, do đó, anh không đồng ý ly hôn, xin đoàn tụ, anh chấp nhận sống ly thân nhưng không ly hôn. Nếu chị Ngọc A vẫn cương quyết xin ly hôn anh, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh và chị Phạm Thị Ngọc A có 02 con chung là Đình Công Tuấn H, sinh ngày 11/02/2006 và Đình Công Tuấn H1, sinh ngày 28/5/2013. Nếu việc ly hôn đặt ra giải quyết, đối với con H đã thành niên, khỏe mạnh, tự lập được cuộc sống, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với con H1, anh đồng ý giao cho chị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng cho con H1 cùng chị Ngọc A số tiền là 5.000.000 đồng/01 tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ khi có quyết định của Tòa án. Hiện anh đang công tác trong lực lượng Công an nhân dân, hệ số lương 7,0.

Anh và chị Phạm Thị Ngọc A có tài sản chung là nhà, đất tại phường THĐ, tỉnh Hưng Yên và 01 xe ô tô Mazda CX5 mua năm 2018 cùng toàn bộ tài sản khác là đồ dùng vật dụng sinh hoạt khác trong gia đình. Về khoản vay nợ chung tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Bình, anh trình bày cơ bản thống nhất với chị Ngọc A về danh mục, số tiền vay và tài sản bảo đảm cho khoản vay. Về tài sản chung và nợ chung, anh và chị Ngọc A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

3. Tại biên bản ghi ý kiến, nguyện vọng của con đề ngày 08/7/2026, cháu Đình Công Tuấn H1 trình bày:

Bố đẻ cháu là Đình Trí Th, mẹ đẻ cháu là Phạm Thị Ngọc A. Nay bố mẹ cháu đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án. Nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

4. Tại văn bản phản hồi ngày 16/7/2026, Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Bình trình bày:

Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Bình xác nhận chị Phạm Thị Ngọc A là khách hàng, anh Đình Trí Th là người đồng trả nợ theo Hợp đồng tín

dụng số 948945.26.755.5965791.TD; dư nợ hiện tại 1.000.000.000 đồng, ngày đến hạn thanh toán nợ gốc 10/9/2026, tình trạng nợ nhóm 1. Tài sản thế chấp theo Giấy chứng nhận số CK 832155, thửa đất số 90, tờ bản đồ số 19, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình cấp ngày 11/01/2018. Do chị Ngọc A và anh Th đề nghị tự giải quyết khoản nợ nên Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Bình không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Xử cho chị Ngọc A được ly hôn anh Th. Đối với con Đình Công Tuấn H, sinh ngày 11/02/2006, đã thành niên, tự lập được cuộc sống nên không đặt ra giải quyết. Đối với Đình Công Tuấn H1, sinh ngày 28/5/2013 sẽ giao cho chị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con H1 số tiền là 5.000.000 đồng/01 tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9/2026 cho đến khi con H1 đủ 18 tuổi. Không đặt ra giải quyết về chia tài sản chung, nợ chung. Chị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, anh Th phải chịu 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị Ngọc A khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Đình Trí Th và yêu cầu giải quyết việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn, anh Th có nơi thường trú tại phường THĐ, tỉnh Hưng Yên. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Hội đồng

xét xử xác định đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hưng Yên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Ngọc A và anh Đinh Trí Th tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã An Linh, huyện P, tỉnh Bình Dương (cũ) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43/KH, quyền số 01/2004 ngày 01/6/2004, do đó, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Sau kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2025 đầu năm 2026 thì xảy ra mâu thuẫn. Về nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn: Theo chị Ngọc A là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, cách sống, anh Th không chung thủy với chị, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, khi công việc kinh doanh bị thua lỗ giữa vợ chồng không có sự động viên, chia sẻ. Về phía anh Th không thừa nhận việc không chung thủy, anh cho rằng mâu thuẫn phát sinh là do chị Ngọc A hiểu lầm anh, chị Ngọc A cũng không quan tâm nhiều đến gia đình anh, việc đầu tư kinh doanh chị Ngọc A tự quyết định, không bàn bạc, không trao đổi với anh. Chị Ngọc A và anh Th đều khai từ tháng 4/2026 đến nay mặc dù ở cùng một nhà nhưng anh chị ở riêng phòng, không còn sinh hoạt vợ chồng, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tòa án đã hai lần hòa giải nhưng chị Ngọc A vẫn kiên quyết ly hôn, không chấp nhận đoàn tụ; anh Th xin đoàn tụ nhưng đồng thời thừa nhận trên thực tế anh chị đã sống ly thân, anh Th cũng không đưa ra được các biện pháp để hàn gắn hạnh phúc gia đình, anh Th chấp nhận sống ly thân, không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật nếu chị Ngọc A không thay đổi ý kiến. Những tình tiết này thể hiện giữa vợ chồng đã có mâu thuẫn kéo dài, thiếu sự thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Đối chiếu quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, có căn cứ xác định hôn nhân giữa chị Ngọc A và anh Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngọc A, xử cho chị Ngọc A được ly hôn anh Th.

[2.2] Về con chung: Chị Phạm Thị Ngọc A và anh Đinh Trí Th có 02 con chung là Đinh Công Tuấn H, sinh ngày 11/02/2006 và Đinh Công Tuấn H1 sinh ngày 28/5/2013. Xét thấy: Con H đã trên 18 tuổi, không bị hạn chế về thể chất, tinh thần, tự lập được cuộc sống, chị Ngọc A và anh Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Con H1 có nguyện vọng ở với mẹ nếu cha mẹ ly hôn, chị Ngọc A có việc làm ổn định, có nguyện vọng xin nuôi con, về phía

anh Th đồng ý giao con H1 cho chị Ngọc A nuôi dưỡng nếu ly hôn. Việc giữ môi trường học tập, sinh hoạt hiện tại, tôn trọng nguyện vọng của con H1 là cần thiết, do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Ngọc A, giao con H1 cho chị Ngọc A nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP. Chị Ngọc A yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con H1 số tiền 5.000.000 đồng/01 tháng, anh Th chấp nhận cấp dưỡng theo yêu cầu của chị Ngọc A, mức cấp dưỡng anh chị thống nhất là tự nguyện, Hội đồng xét xử cần chấp nhận theo quy định tại các Điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP.

[2.3] Về chia tài sản chung: Chị Phạm Thị Ngọc A và anh Đinh Trí Th thống nhất tự thỏa thuận việc phân chia tài sản chung, anh chị không yêu cầu, do đó, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị Phạm Thị Ngọc A và anh Đinh Trí Th cùng khai có khoản vay nợ tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Bình và đều xác định không yêu cầu giải quyết trong vụ án. Tại Văn bản phản hồi ngày 16/7/2026, Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Bình xác nhận chị Ngọc A là khách hàng, anh Th là người đồng trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 948945.26.755.5965791.TD có dư nợ 1.000.000.000 đồng, được bảo đảm bằng thửa đất số 90, tờ bản đồ số 19 theo Giấy chứng nhận số CK 832155 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình cấp ngày 11/01/2018. Đối với khoản nợ trên, chị Ngọc A và anh Th đều không yêu cầu giải quyết, Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Bình không có yêu cầu độc lập, do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 và khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Phạm Thị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Đinh Trí Th phải chịu 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; khoản 3 Điều 4, Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 và khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Ngọc A được ly hôn anh Đinh Trí Th.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Đối với con Đinh Công Tuấn H, sinh ngày 11/02/2006, đã thành niên, không bị hạn chế về thể chất, tinh thần, tự lập được cuộc sống, chị Phạm Thị Ngọc A và anh Đinh Trí Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2.2. Đối với con Đinh Công Tuấn H1, sinh ngày 28/5/2013: Giao cho chị Phạm Thị Ngọc A trực tiếp nuôi dưỡng con Đinh Công Tuấn H1. Anh Đinh Trí Th có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con Đinh Công Tuấn H1 cùng chị Phạm Thị Ngọc A số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)/01 tháng (Một tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9/2026 cho đến khi Đinh Công Tuấn H1 thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Đinh Trí Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng cho con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

2.3. Kể từ ngày từng khoản tiền cấp dưỡng cho con đến hạn và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con thì còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Ngọc A đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002326 ngày 06/5/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, như vậy chị Ngọc A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ

thẩm. Anh Đinh Trí Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Ngọc A và anh Đinh Trí Th có quyền kháng cáo trong 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/9/2026).

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 33, 34, 36 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 Hưng Yên;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5, tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã A, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy CNKH số 43/KH, quyền số 01/2024 ngày 01/6/2004 tại UBND xã An Linh, huyện P, tỉnh Bình Dương (cũ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương

2.2. Đối với con Đinh Công Tuấn H1, sinh ngày 28/5/2013: Giao cho chị Phạm Thị Ngọc A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác của Tòa án. Buộc anh Đinh Trí Th cấp dưỡng nuôi Đinh Công Tuấn H1 cho chị Phạm Thị Ngọc A số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) mỗi tháng; phương thức cấp dưỡng định kỳ hằng tháng; thời gian cấp dưỡng từ tháng 10 năm 2026 đến khi Hùng đủ 18 tuổi hoặc có căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Đinh Trí Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh Th không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Vì lợi ích của con, khi có căn cứ pháp luật, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng hoặc phương thức cấp dưỡng.

Kể từ ngày từng khoản tiền cấp dưỡng đến hạn và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Đinh Trí Th chậm thực hiện thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 *(nếu tuyên đoạn này thêm Điều 357, 468 vào căn cứ phía trên)*

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA

Nguyễn Thị Thùy Dương

